

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ - ST

Ngày 23 - 5 - 2019

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N (Hong N)** – sinh năm 1995 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Trần Hồng M** – sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa chị Lê Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham chơi, không lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần, nhưng anh M không từ bỏ được thói hư, tật xấu của mình. Cụ thể anh M đã bỏ nhà đi khoảng 03 tháng sau đó trở về gia đình, nhưng vợ chồng không thể sống hòa hợp với nhau nên đã sống ly thân với

nhau. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Lê Thị N trình bày trong quá trình chung sống chị và anh M có 01 người con chung tên Trần Hồng D, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2016, hiện nay con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Hồng M thống nhất lời trình bày của chị Lê Thị N về hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn, nợ chung và nợ riêng. Nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị N, cũng không đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh xác định nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Lê Thị N và anh Trần Hồng M là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trần Hồng M có địa chỉ tại ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về Hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Hồng M kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Lê Thị N có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị N đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh M không đồng ý ly hôn với chị N mà yêu cầu được đoàn tụ. Do đó vụ án hòa giải không thành theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh M, anh M không đồng ý ly hôn với chị N, anh yêu cầu được đoàn tụ. Mặc dù anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo lời trình bày của chị N là đúng. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa vợ chồng chị N, anh M xuất phát từ việc anh M không quan tâm đến gia đình, có thời gian anh M còn bỏ nhà đi khoảng 03

tháng và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ đó cho thấy cuộc sống chung của vợ chồng chị N, anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Lê Thị N là phù hợp nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Trần Hồng M

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Trần Hồng M xác định anh, chị có 01 người con chung tên Trần Hồng D, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2016, hiện nay con đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh M cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và anh M đều có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Hồng D, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy tính đến ngày xét xử cháu Trần Hồng D mới được 39 tháng 08 ngày tuổi và hiện đang sống với chị N. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Trần Hồng D, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh M không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N về việc buộc anh Trần Hồng M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Hồng D mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Hồng M chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị N và anh M có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị N và anh M đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Lê Thị N** được ly hôn với anh **Trần Hồng M**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Trần Hồng D**, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2016 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005120 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Lê Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Hồng M phải nộp 300.000 đồng (Chưa nộp). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hồng M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Thới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết